

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2024
V/v: Ly hôn; tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên; bà Vũ Thị Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2024 về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1981

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Xóm E, thôn Q, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1981

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn M, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Trần Đình T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2004 tại UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T và sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung ngày càng căng thẳng. Đến tháng 02/2024, chị về nhà bố mẹ đẻ xã T, huyện K sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, anh T không hỏi han gì. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đình T.

Chị và anh T có 02 con chung là Trần Thanh T1, sinh ngày 03/3/2002, con đã trên 18 tuổi, đã đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Trường G, sinh ngày 11/7/2007, con chưa tròn 18 tuổi nhưng đã nghỉ học, đi làm và đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng con G, chị không phải cấp dưỡng cho con. Anh T là lao động tự do, thu nhập thế nào chị không biết.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Trần Đình T không trình bày lời khai, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*) Bà Trần Thị C (là mẹ đẻ chị Phạm Thị D) trình bày:

Chị Phạm Thị D và anh Trần Đình T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khoảng tháng 02/2024, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị D về nhà bà sinh sống, anh T không quan tâm, hỏi han gì. Theo bà, chị D và anh T không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn anh T.

Chị D và anh T có 02 con chung như chị D đã trình bày, cháu Trần thanh T2 đã trên 18 tuổi, đã đi làm và cháu Trần Trường G mặc dù chưa tròn 18 tuổi nhưng đã nghỉ học, đi làm, cháu đang ở cùng anh T. Chị D đề nghị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu G là hợp lý vì cháu cũng muốn ở với anh T.

Việc cấp dưỡng cho cháu G như thế nào do vợ chồng quyết định. Chị D và anh T đều là lao động tự do, đều có thu nhập. Tài sản chung của chị D và anh T do hai người tự giải quyết.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Trần Đình T và chị Phạm Thị D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T, trong quá trình chung sống giữa chị D và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ trong nội bộ gia đình, chưa đến mức địa phương phải can thiệp. Đến khoảng tháng 02/2024, chị duyên về nhà bố mẹ đẻ tại xã T sinh sống, anh T vẫn sinh sống cùng gia đình tại thôn M, xã T. Việc chị D xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh T và chị D có 02 con chung như chị D đã trình bày là đúng, cháu lớn đã trên 18 tuổi và đã đi làm, cháu thứ hai là Trần Trường G tuy chưa tròn 18 tuổi nhưng đã nghỉ học, đi làm và đang ở cùng anh T. Khi ly hôn, việc nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, phù hợp quy định của pháp luật, theo nguyện vọng của cháu G và đảm bảo quyền lợi cho cháu. Việc cấp dưỡng cho con do anh T và chị D quyết định. Anh T và chị D đều là lao động tự do, thu nhập thế nào địa phương không biết. Về tài sản chung của anh T và chị D do hai người tự giải quyết, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Trần Đình T.

+ Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Đình T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Trường G, sinh ngày 11/7/2007; chị D không phải cấp dưỡng cho con. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

- + Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.
- + Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Trần Đình T không trình bày lời khai, vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Phạm Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị D và anh Trần Đình T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh T và sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tính cách không hòa hợp. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung ngày càng căng thẳng. Đến tháng 02/2024, chị D về nhà bố mẹ đẻ tại T, huyện K sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó, anh T không hỏi han gì. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị D và anh T ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Trần Đình T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Trần Thanh T1, sinh ngày 03/3/2002, con đã trên 18 tuổi, đã đi làm, không bị mất năng lực hành vi dân sự, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết và Trần Trường G, sinh ngày 11/7/2007, con chưa tròn 18 tuổi nhưng đã nghỉ học, đi làm và đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị D đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Trường G. Hội đồng xét xử thấy: Anh T có việc làm, có thu nhập, có chỗ ở, bản thân con G đã đi làm, có thu nhập, con đang sinh sống ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con nên cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Trường G, chị D không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh T chưa có lời khai về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Trần Đình T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Trần Đình T trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Trường G, sinh ngày 11/7/2007; chị D không phải cấp dưỡng cho con.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0002125 ngày 17/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH; số 26, ngày 13/11/2004);

- UBND xã Tây Sơn, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;

- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Thái